TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 118/2019/HS-PT
Ngày 21 - 8 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nhân
Các Thẩm phán: Ông Chung Văn Kết
Bà Châu Minh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Khiếm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:
Bà Lê Kiều Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 92/2019/TLPT-HS ngày 14 tháng 6 năm 2019 đối với các bị cáo: Trần Đại T cùng đồng phạm; do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 49/2019/HS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- *Các bị cáo có kháng cáo*:

1. Họ và tên: Trần Đại T (tên gọi khác: N), sinh năm: 1980; đăng ký thường trú: Ấp 4, xã HP, huyện GT, tỉnh Bến Tre; chỗ ở: Ấp Trùm Thuật A, xã KH, huyện TVT, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Lái xà lang; trình độ học vấn: 3/12; dA tộc: Kinh; giới T1h: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Thái S và bà: Trần Thị C; vợ: Bùi Thị H; con: 01 người; tiền án: 26/9/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xử phạt 02 năm cải tạo không giam giữ, phạt bổ sung 7.000.000 đồng về tội "*Đánh bạc*" tại bản án hình sự sơ thẩm số: 47/2012/HS-ST; chưa chấp hành hình phạt bổ sung, chưa được xóa án tích; tiền sự: Không; tạm giữ ngày: 19/10/2018; tạm giam ngày: 28/10/2018; bị cáo bị tạm giam có mặt.

2. Họ và tên: Hồ Văn N, sinh năm: 1989; nơi cư trú: Ấp HĐ, xã HT, huyện TP, tỉnh Tiền G; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dA tộc: Kinh; giới T1h: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hồ Văn T và bà: Đoàn Thị L; vợ: Trang Thị Hồng L (đã ly hôn); con: 01 người; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ: 19/10/2018; tạm giam ngày: 28/10/2018; thay đổi biện pháp ngăn chặn cho đặt cọc tiền bảo lĩnh ngày: 29/11/2018; bị cáo tại ngoại có mặt.

3. Họ và tên: Trương Trường G, sinh năm: 1983; đăng ký thường trú: Ấp LM, xã PM, huyện PT, tỉnh Cà Mau; chỗ ở: Khóm 11, thị trấn SĐ, huyện TVT, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm vuông; trình độ học vấn: 5/12; dA tộc: Kinh; giới T1h: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trương Văn B và bà:

Phan Thị T; vợ: Tăng Phượng K; con: 01 người; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ ngày: 19/10/2018; tạm giam ngày: 28/10/2018; thay đổi biện pháp ngăn chặn cho đặt cọc tiền bảo lĩnh ngày: 27/11/2018; bị cáo tại ngoại có mặt.

4. Họ và tên: Huỳnh Minh T1, sinh năm: 1980; nơi cư trú: Khóm 3, phường 8, thành phố CM, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 6/12; dA tộc: Kinh; giới T1h: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Huỳnh Văn B và bà: Phan Kim H; vợ: Nguyễn Thị Thùy T; con: 03 người; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ ngày: 19/10/2018, tạm giam ngày: 28/10/2018; thay đổi biện pháp ngăn chặn cho đặt cọc tiền bảo lĩnh ngày: 29/11/2018; bị cáo tại ngoại có mặt.

5. Họ và tên: Nguyễn Hoàng A, sinh năm: 1984; nơi cư trú: Ấp VT, xã KL, huyện TVT, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dA tộc: Kinh; giới T1h: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn U và bà: Võ Kim Đ; vợ: Lương Thị Thuận A; con: 02 người; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ ngày: 19/10/2018, thay đổi biện pháp ngăn chặn, cấm đi khỏi nơi cư trú ngày: 28/10/2018; bị cáo tại ngoại có mặt.

6. Họ và tên: Ngô Thị D, sinh năm: 1968; nơi cư trú: Ấp Trùm Thuật A, xã KH, huyện TVT, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 2/12; dA tộc: Kinh; giới T1h: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Ngô Văn T và bà: Nguyễn Thị X; chồng: Huỳnh Văn H; con: 03 người; tiền án, tiền sự: Không; cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 28/10/2018; bị cáo tại ngoại có mặt.

- *Những người tham gia tố tụng khác có liên quan đến kháng cáo*:

- *Luật sư bào chữa cho các bị cáo*:

1. Luật sư, Lê Minh Châu, Văn phòng Luật sư Lê Minh Châu thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau, bào chữa cho các bị cáo Trương Trường G, Nguyễn Hoàng A (có mặt).

2. Luật sư, Phạm Quang Bình, Văn phòng Luật sư Phạm Quang Bình thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh, bào chữa cho bị cáo Hồ Văn N (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (Tòa án không triệu tập)*:

1. Bùi Thị H, sinh năm: 1983; nơi cư trú: Ấp Trùm Thuật A, xã KH, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

2. Phạm Hoàng A1, sinh năm: 1970; nơi cư trú: Khóm 9, thị trấn TVT, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

3. Trịnh Văn K, sinh năm: 1968; nơi cư trú: Số 178A, khóm 7, phường 7, thành phố CM, tỉnh Cà Mau.

4. Lương Thị Thuận A2, sinh năm: 1986; nơi cư trú: Ấp VT, xã KL, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hoàng A biết Trần Đại T binh bài xập xám giỏi nên bàn, thống nhất tìm người đánh bài ăn tiền với T nếu thắng sẽ cho A tiền. A điện thoại cho Trương

Trường G kêu tìm người đánh bài xập xám ăn tiền. G rủ Hồ Văn N, Huỳnh Minh T1 đi đánh bài ăn tiền, do N trực tiếp đánh, nếu thắng thì chia tiền nhau.

Chiều ngày 17/10/2018, A hỏi mượn nhà của Ngô Thị D ở ấp Trùm Thuật A, xã KH, huyện TVT để đánh bài ăn tiền, được D đồng ý. T1 lái xe ô tô biển số 69A-046.01 chở N và G từ thành phố Cà Mau về nhà trọ của G ở khóm 11, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời rồi cho A hay, kêu A dẫn T1, N đến địa điểm đánh bạc, G bận việc nên không vào cùng lúc. A chỉ địa điểm cho T chạy xe SH biển số 69N1-415.80 đến nhà D. D dẫn A, N, T1, T vào nhà sau để đánh bài ăn tiền. A đưa bài tây 52 lá cho T và N đánh, hình thức binh xập xám, mỗi bàn ăn thua thấp nhất 500.000 đồng, cao nhất 5.000.000 đồng. Khi đánh bài N mang theo số tiền là 5.000.000 đồng, T đem theo số tiền là 7.000.000 đồng. Đánh một lúc T ăn hết tiền mặt của N. A đưa cho T1 mượn 2.000.000 đồng, đưa N tiếp tục đánh bài và thua hết. N kêu T1 điện thoại cho G kêu đem tiền cho N đánh bài. Lúc này, A đứng ra bảo lãnh cho mỗi bên 20.000.000 đồng để tiếp tục đánh bài. G không mang tiền theo nhưng vào nhà D để T tin là N có tiền. Tiếp tục đánh bài, N ăn lại T hết số tiền mặt và ăn thêm 21.000.000 đồng nên T cầm xe hiệu SH biển số 69N1-415.80 cho N. T1 giúp N cầm xe giá 30.000.000 đồng, trừ tiền thua nợ 21.000.000 đồng, còn 9.000.000 đồng lấy đưa cho T. T1 kêu G dùng điện thoại di động hiệu Iphone 6, sim số 0949.678.920 của T1 ghi hình lại việc đánh bài, để xác nhận việc T có cầm cố tài sản khi đánh bài thua N. T đánh bài thua tiếp hết tiền nên cầm chiếc nhẫn vàng cho N số tiền là 10.000.000 đồng và thua hết tiền. Sau đó, N và T chuyển qua đánh bài cào 3 lá. N đánh bài, T1 gom tiền khi N ăn và chung tiền khi thua. T thua N thêm 21.000.000 đồng, T1 và N kêu thanh toán tiền mới chơi tiếp. Lúc này, khoảng 22 giờ cùng ngày, T hẹn về nhà lấy tài sản đánh bài tiếp. Tại đây, T cho D 100.000 đồng, N cho D 500.000 đồng, không ai thu tiền xâu. Như vậy, số tiền dùng để đánh bạc tại nhà Ngô Thị D là 75.000.000 đồng (gồm: Tiền mặt 14.000.000đ (5.000.000đ + 7.000.000đ + 2.000.000đ); tiền cầm xe 30.000.000đ; tiền cầm nhẫn 10.000.000đ; tiền thua nợ 21.000.000đ)

Nghỉ đánh bài tại nhà của D, A dùng xe mô tô chở T về nhà vợ chồng T trọ ở ấp Trùm Thuật A, xã KH, huyện TVT. T lấy 01 chiếc lắc vàng 18k và 01 kiềng vàng 18k để tiếp tục đánh bài với N. A điện thoại cho G hẹn đến nhà trọ Ngọc T2 ở khóm 11 thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời đánh bài tiếp.

Khoảng 23 giờ ngày 17/10/2018, tại nhà trọ Ngọc T2, N đem theo tiền mặt là 13.400.000 đồng. T đưa 01 chiếc lắc vàng và 01 kiềng vàng cầm cho N lấy tiền đánh bài. T1 cầm số vàng này giúp N giá 30.000.000 đồng, trừ tiền thiếu 21.000.000 đồng, còn lại lấy tiền của N đưa cho T 9.000.000 đồng để đánh bài. N và T đánh bài cào 3 lá, ai lớn điểm thì ăn, N chia bài cho T đặt tiền. N đánh bài còn G gom tiền khi N ăn và chung tiền khi thua. T đánh bài thua cầm xe SH biển số 69N1-415.80 thêm 20.000.000 đồng (đến thời điểm này xe SH cầm tổng cộng 50.000.000 đồng). T mượn xe của A hiệu Air Blade biển số 69N1-031.33 cầm cho N giá 30.000.000 đồng, cầm điện thoại hiệu Samsung A9 của T giá 10.000.000 đồng và đánh bài thua hết tiền nên nghỉ chơi. Lúc này khoảng 2 giờ sáng ngày 18/10/2018, A và T năn nỉ xin T1 và N cho A lấy xe Air Blade và cho T lấy điện thoại đã cầm nêu trên đem về. Như vậy, số tiền dùng để đánh bạc tại nhà nghỉ

Ngọc T2 là 82.400.000 đồng (gồm 69.000.000 đồng tiền cầm tài sản và 13.400.000 đồng tiền mặt).

Vật chứng thu giữ:

Tạm giữ của T1: 01 chiếc nhẫn vàng hột đen có 4 đầu rắn, kí hiệu KM610; 01 chiếc lắc màu vàng có chữ KTR; 01 kiềng màu vàng tại đầu có số 610*; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1034 đã qua sử dụng, sim số 0916.214.215; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 đã qua sử dụng, sim số 0949.678.920; 01 xe ô tô biển số 69A-04601 của T1 điều khiển, kiểm tra trong xe có 07 bộ bài loại 52 lá; tạm giữ 01 xe hiệu SH biển số 69N1-415.80, kiểm tra trong cốp xe này có giấy đăng ký xe hiệu SH biển số 69N1-415.80 chủ xe là Bùi Thị H.

Tạm giữ của T: 01 điện thoại di động hiệu Samsung A9 đã qua sử dụng, sim số 0914.080.771.

Tạm giữ của N: 7.250.000 đồng tiền Việt Nam; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1034 đã qua sử dụng, sim số 0944.116.650; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus đã qua sử dụng, sim số 0911.214.215; 01 chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe đều mang tên Hồ Văn N.

Tạm giữ của A gồm: 01 xe hiệu Air Blade biển số 69N1-031.33; 01 giấy đăng ký xe hiệu Air Blade biển số 69N1-031.33 đứng tên chủ xe Phạm Hoàng A1; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1134 đã qua sử dụng, sim số 0919.965.602; 01 điện thoại di động hiệu Samsung đã qua sử dụng không có sim; tiền Việt Nam 2.000.000 đồng.

Tạm giữ của G gồm: 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280 đã qua sử dụng, sim số 0915.444.146; 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu hồng đã qua sử dụng, sim số 0941.366.664.

Tạm giữ của D: 600.000 đồng tiền Việt Nam; 01 bộ bài tây chưa sử dụng; 01 bộ bài đã khui còn 02 lá bài tỳ trong hộp và 40 lá bài tây.

Tạm giữ của Nguyễn Chí L là chủ nhà trọ Ngọc T2 02 bộ bài đã sử dụng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trần Văn Thời đã trả cho Bùi Thị H 01 xe SH biển số 69N1-415.80, giấy đăng ký xe tên Bùi Thị H; trả cho Huỳnh Minh T1 01 xe ô tô biển số 69A-046.01; trả cho Hồ Văn N 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus đã qua sử dụng, sim số 0911.214.215, 01 chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe đều mang tên Hồ Văn N; trả cho Nguyễn Hoàng A 01 điện thoại di động hiệu Samsung đã qua sử dụng không có sim; trả cho Trương Trường G 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu hồng đã qua sử dụng, sim số 0941.366.664.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 49/2019/HS-ST, ngày 10/5/2019 của Tòa án nhA dA huyện Trần Văn Thời đã xử: Các bị cáo Trần Đại T, Hồ Văn N, Trương Trường G, Huỳnh Minh T1 phạm tội "*Đánh bạc*"; bị cáo Nguyễn Hoàng A phạm tội "*Tổ chức đánh bạc*"; bị cáo Ngô Thị D phạm tội "*Gá bạc*".

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Trần Đại T 03 năm 09 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 19/10/2018.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Hồ Văn N 03 năm 03 tháng tù;

thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/10/2018 đến ngày 29/11/2018.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Trương Trường G 03 năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/10/2018 đến ngày 27/11/2018.

Xử phạt: Huỳnh Minh T1 03 năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/10/2018 đến ngày 29/11/2018.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoàng A 01 năm 06 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 19/10/2018 đến ngày 28/10/2018.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Bộ luật hình sự; xử phạt: Bị cáo Ngô Thị D 03 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung quỹ nhà nước: Số tiền 9.850.000 đồng (bao gồm tạm giữ của Hồ Văn N 7.250.000 đồng, Nguyễn Hoàng A 2.000.000 đồng dùng vào việc đánh bạc và tạm giữ của Ngô Thị D 600.000 đồng tiền thu lợi bất chính); 01 chiếc nhẫn vàng hột đen có 4 đầu rắn, kiểm tra là loại vàng 18K, trọng lượng 04 chỉ, 04 phân, 05 ly, có kí hiệu KM610; 01 kiềng màu vàng tại đầu có số 610*, kiểm tra là loại vàng 18K, trọng lượng 05 chỉ, 02 phân, 04 ly; 01 điện thoại di động hiệu Samsung A9 đã qua sử dụng, sim số 0914.080.771; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus đã qua sử dụng, sim số 0911.214.215 và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1034 đã qua sử dụng, sim số 0916.214.215 của Huỳnh Minh T1; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1034 đã qua sử dụng, sim số 0944.116.650 của Hồ Văn N; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1134 đã qua sử dụng, sim số 0919.965.602 của Nguyễn Hoàng A; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280 đã qua sử dụng, sim số 0915.444.146 của Trương Trường G.

Tiêu hủy vật chứng gồm: 08 bộ bài tây chưa sử dụng; 01 bộ bài đã khui còn 02 lá bài tỳ trong hộp và 40 lá bài tây; 02 bộ bài đã sử dụng.

Buộc bị cáo Hồ Văn N phải nộp số tiền: 4.150.000 đồng, để sung quỹ Nhà nước. Buộc bị cáo Trần Đại T phải nộp số tiền: 92.098.000 đồng, để sung quỹ Nhà nước.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hoàng A, chị Lương Thị Thuận A2: 01 xe hiệu Air Blade biển số 69N1-031.33 và 01 giấy đăng ký xe hiệu Air Blade biển số 69N1-031.33 tên Phạm Hoàng A1. Trả lại cho bà Bùi Thị H 01 chiếc lắc màu vàng có chữ KTR kiểm tra là loại vàng 18K, trọng lượng 05 chỉ, 02 phân, 06 ly. (Vật chứng được Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời đang quản lý tại Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 15/02/2019 bút lục số 438).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 20 tháng 5 năm 2019, Nguyễn Hoàng A có đơn kháng cáo, xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo. Lý do, không tiền án, tiền sự; biết sai phạm, có thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình chấp hành đúng chủ trương, pháp luật Nhà nước; có người thân có công với cách mạng; gia đình khó khăn, là lao động chính, có 02 con nhỏ; tự nguyện nộp số tiền cho người khác đánh bạc.

Ngày 21 tháng 5 năm 2019, Trần Đại T có đơn kháng cáo, kêu oan. Lý do, có tham gia đánh bạc tại nhà của Ngô Thị D, sau đó có uống ca nước thì không còn minh mẫn, nghi ngờ bị các bị cáo khác lừa gạt lấy hết tài sản nhưng chưa được Cơ quan điều tra làm rõ.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019, Trương Trường G có đơn kháng cáo, xin được phạt hình phạt cải tạo không giam giữ. Lý do, thừa nhận hành vi nhưng tính chất, mức độ vi phạm không đúng như cáo trạng và bản án nêu. Không kêu N và T1 đánh bài; không tham gia đánh bài; có giúp N đếm tiền đưa cho T; có dùng điện thoại quay phim đánh bài theo yêu cầu của T1; không bàn bạc, ăn chia tiền; N không cho tiền. Kinh tế gia đình khó khăn, có con nhỏ, là lao động chính; nhận thức pháp luật hạn chế; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019, Hồ Văn N có đơn kháng cáo, xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng cải tạo không giam giữ. Lý do, không hiểu biết pháp luật; đã ăn năn hối cải; gia đình khó khăn; là lao động chính trong gia đình.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019, Huỳnh Minh T1 có đơn kháng cáo, xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng cải tạo không giam giữ. Lý do, không hiểu biết pháp luật, không biết việc làm là phạm tội; vai trò đồng phạm giản đơn; đã ăn năn hối cải; gia đình khó khăn, là lao động chính, đang nuôi con nhỏ.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019, Ngô Thị D có đơn kháng cáo, xin hưởng án treo. Lý do, có cho A mượn nhà đánh bạc, không yêu cầu cho tiền, không dùng nhà chứa bạc lấy tiền; sau khi đánh bài A có cho 600.000 đồng; có thành khẩn khai báo, ăn ăn hối cải; hoàn cảnh khó khăn, không đất sản xuất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, tất cả các bị cáo đều giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo G và bị cáo A tranh luận xin giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; điểm c, d, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Trần Đại T, Hồ Văn N, Nguyễn Hoàng A. Chấp nhận kháng cáo, sửa án sơ thẩm giảm hình phạt đối với các bị cáo Trương Trường G, Huỳnh Minh T1, giữ y hình phạt nhưng cho bị cáo Ngô Thị D được hưởng án treo. Sửa án sơ thẩm về xử lý vật chứng tịch thu điện thoại di động hiệu Iphone 6 đã qua sử dụng, số điện thoại 0949.678.920.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Biết Trần Đại T đánh bài giỏi, Nguyễn Hoàng A bàn với T tìm người đánh bạc ăn tiền nếu thắng cho tiền A, được T đồng ý. Nguyễn Hoàng A điện thoại kêu Trương Trường G tìm người đánh bài với T ăn thua bằng tiền. G rủ Hồ Văn N và Huỳnh Minh T1 đến đánh bài với T, nếu thắng chia tiền nhau tiêu xài. Ngày 17/10/2018, A hỏi mượn nhà của Ngô Thị D làm nơi cho N và T đánh bài, được D đồng ý. Tại nhà D, T và N đánh bài xạp xám ăn thua mỗi bàn từ 500.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Tham gia đánh bài, T mang theo 7.000.000 đồng tiền mặt, N mang theo 5.000.000 đồng. Khi N thua hết tiền mặt, A cho T1 và N mượn 2.000.000 đồng tiền mặt và bảo lãnh cho mỗi bên 20.000.000 đồng để đánh bài. N đánh thắng T 21.000.000 đồng, T cầm xe SH, biển số 69N-415.80 cho T1 30.000.000 đồng, cầm nhẫn vàng 10.000.000 đồng đánh bài thua hết. Sau đó chuyển sang đánh bài cào, T tiếp tục thua N 21.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền đánh bạc tại nhà D là 75.000.000 đồng (gồm 7.000.000đ + 5.000.000đ + 2.000.000đ + 30.000.000đ + 10.000.000đ + 21.000. 000đ). T cho D 100.000 đồng, N cho D 500.000 đồng.

Đến khoảng 23h cùng ngày, T về nhà lấy theo 01 lắc vàng 18k, 01 kiềng vàng 18k; N mang theo 13.400.000 đồng tiền mặt đến nhà nghỉ Ngọc T2 tiếp tục đánh bài lần thứ hai. Quá trình đánh bài T thua nên cầm lắc và kiềng vàng cho N do T1 giữ giúp 30.000.000 đồng, cầm xe SH thêm 20.000.000 đồng, mượn xe Air Blade biển số 69N1-031.33 của A cầm 30.000.000 đồng, cầm điện thoại 10.000.000 đồng. Tổng số tiền T và N đánh bài ăn thua tại nhà nghỉ Ngọc T2 là 82.400.000 đồng (gồm 69.000.000đ cầm tài sản và 13.400.000đ tiền mặt). Ngày 18/10/2018, Bùi Thị H tố giác với Công an về hành vi đánh bài ăn thua bằng tiền của Trần Đại T và Hồ Văn N.

[2] Với hành vi đánh bạc ăn thua bằng tiền, với tổng số tiền thực hiện đánh bạc 157.400.000 đồng nêu trên của của Trần Đại T, Hồ Văn N, Trương Trường G, Huỳnh Minh T1, án sơ thẩm xử phạt các bị cáo T, N, G, T1 phạm tội "*Đánh bạc*" theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự; xử phạt Nguyễn Hoàng A phạm tội "*Tổ chức đánh bạc*", Ngô Thị D phạm tội "*Gá bạc*" cùng theo điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật, đúng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Trong đó, Trần Đại T, Hồ Văn N là những người trực tiếp đánh bạc. Trương Trường G, Huỳnh Minh T1 là đồng phạm giúp N, T gặp gở đánh bạc; giúp N kiểm đếm, thu giữ tiền ăn thua, cầm cố tài sản gồm vàng, xe, điện thoại trong khi đánh bạc. Nguyễn Hoàng A là người tìm kiếm, môi giới, kết nối, tổ chức cho T và N đánh bạc. A trực tiếp gọi điện cho G kêu tìm người đánh bạc với T, mượn nhà của D làm nơi cho T và N đánh bạc. A cho T mượn xe Air Blade cầm 30.000.000 đồng lấy tiền đánh bạc. Ngô Thị D dùng nhà ở của mình làm nơi cho các bị cáo T, N đánh bạc với quy mô lớn, số tiền ăn thua 75.000.000 đồng, có hưởng lợi 600.000 đồng.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo nhận thấy:

[3.1] Bị cáo Trần Đại T kêu oan, thừa nhận có đánh bạc ăn thua bằng tiền với Hồ Văn N như án sơ thẩm đã nêu, nhưng cho rằng lúc đánh bạc tại nhà của Ngô Thị D, sau khi uống ly nước bị cáo không còn tỉnh táo, nên nghi ngờ các bị cáo khác gian lận để chiếm đoạt tài sản của bị cáo. Bị cáo cũng không thừa nhận có cầm cố tài sản cho N, T1 như án sơ thẩm nêu. Căn cứ lời khai của bị cáo N, các bị cáo trong vụ án, các chứng cứ có tại hồ sơ cho thấy không có việc bị cáo T không còn đủ tỉnh táo trong lúc đánh bạc như bị cáo khai. Vì không chỉ đánh bạc thua cầm cố tài sản (nhẫn, xe) tại nhà của D, mà sau khi thua bạc hết tiền, bị cáo T về nhà lấy thêm tài sản gồm lắc, kiềng vàng đến nhà nghỉ Ngọc T2 đánh bạc tiếp cùng N. Tại đây, T tiếp tục cầm tài sản gồm lắc, kiềng, xe, điện thoại lấy tiền đánh bạc với N và tiếp tục thua. Do đó, không có cơ sở chấp nhận lời khai kêu oan của bị cáo T. Bản thân bị cáo có tiền án về tội "*Đánh bạc*" chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên thuộc trường hợp tái phạm, việc phạm tội của bị cáo là nhiều lần nên mức hình phạt 3 năm 9 tháng tù án sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là phù hợp cần được giữ y.

[3.2] Bị cáo Hồ Văn N là người từ tỉnh ngoài trực tiếp được G liên hệ kêu đến đánh bạc với T. Số tiền N và T đánh bạc ăn thua lớn 157.400.000 đồng. Bị cáo N kháng cáo xin giảm hình phạt, được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ. Xét thấy án sơ thẩm đã có xem xét các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo như: Có thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo có người thân có công với cách mạng. Từ đó, mức hình phạt án sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo N 03 năm 03 tháng tù là tương xứng nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[3.3] Bị cáo Nguyễn Hoàng A là người trung gian kêu G tìm người móc nối để đánh bạc với T, tìm nơi ở của D làm nơi đánh bạc. Bị cáo biết rõ hành vi đánh bạc ăn thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Tuy bị cáo không trực tiếp đánh bạc nhưng việc tổ chức cho các bị cáo đánh bạc có thỏa thuận thắng được cho tiền. Trong lúc đánh bạc bị cáo là người đứng ra bảo lãnh cho T và N mỗi người 20.000.000 đồng lúc ăn thua hết tiền mặt, cho T mượn xe cầm cho N và T1 số tiền 30.000.000 đồng để đánh bạc. Án sơ thẩm xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù về tội "*Tổ chức đánh bạc*" là tương xứng, có xem xét các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo như: Có thành khẩn khai báo; gia đình có người thân có công với cách mạng. Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[3.4] Đối với bị cáo Ngô Thị D là người có hành vi dùng nhà ở của mình cho các bị cáo khác đánh bạc nhằm mục đích hưởng lợi. Thực tế bị cáo có hưởng lợi 600.000 đồng. Án sơ thẩm xử phạt bị cáo D 03 tháng tù về tội "*Gá bạc*" là tương xứng, có giảm nhẹ dưới khung hình phạt của điều luật quy định. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[3.5] Đối với các bị cáo Trương Trường G và bị cáo Huỳnh Minh T1 là những đồng phạm trong vụ án. Các bị cáo không trực tiếp đánh bạc nhưng giúp sức tích cực cho N trong việc đánh bạc với T. Trong đó, G là người trực tiếp móc nối giới thiệu để N đánh bạc với T. T1, G là người trực tiếp tham gia quản lý, giữ tiền chung chi, thực hiện việc cầm cố tài sản giúp N trong lúc đánh bạc. Do đó, hai bị cáo phải bị xử lý về tội "*Đánh bạc*" là đúng. Tuy nhiên, với vai trò đồng phạm và mức độ tham gia giúp sức của G và T1 án sơ thẩm xử phạt mỗi bị cáo 03 năm tù

là có phần nghiêm khắc. Cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo G và bị cáo T1, sửa án sơ thẩm giảm một phần hình phạt đối với các bị cáo Trương Trương G và Huỳnh Minh T1.

[4] Ngoài ra án sơ thẩm xử lý vật chứng tuyên tịch thu sung quỹ 01 điện thoại của bị cáo T1 nhưng ghi nhằm điện thoại thu của bị cáo N. Do đó cần sửa lại phần quyết định của án sơ thẩm từ tịch thu 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus đã qua sử dụng số điện thoại 0911.214.215 thành tịch thu 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 đã qua sử dụng, số điện thoại 0949.678.920.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Trần Đại T, Hồ Văn N, Nguyễn Hoàng A, Ngô Thị D phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; các bị cáo Trương Trường G, Huỳnh Minh T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355; điểm c, d khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 49/2019/HS-ST ngày 10/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đã xử đối với các bị cáo Trần Đại T, Hồ Văn N, Nguyễn Hoàng A, Ngô Thị D.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Trần Đại T 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù về tội "*Đánh bạc*"; thời hạn tù tính từ ngày 19/10/2018.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Hồ Văn N 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội "*Đánh bạc*"; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/10/2018 đến ngày 29/11/2018.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Nguyễn Hoàng A 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "*Tổ chức đánh bạc*"; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 19/10/2018 đến ngày 28/10/2018.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Ngô Thị D 03 (ba) tháng tù về tội "*Gá bạc*"; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm số: 49/2019/HS-ST ngày 10/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời về hình phạt đối với các bị cáo Trương Trường G, Huỳnh Minh T1.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Trương Trường G 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội "*Đánh bạc*"; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp

hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/10/2018 đến ngày 27/11/2018.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Huỳnh Minh T1 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội "*Đánh bạc*"; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/10/2018 đến ngày 29/11/2018.

3. Áp dụng Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

3.1. Tịch thu sung quỹ Nhà nước các tang, vật chứng gồm:

- Tiền Việt Nam 9.850.000 đồng (gồm tiền thu giữ của N 7.250.000đ, của A 2.000.000đ, của D 600.000đ);

- 01 nhẫn vàng hột đen có 04 đầu rắn, trọng lượng 04 chỉ 04 phân 05 ly vàng 18k, ký hiệu KM610;

- 01 kiềng màu vàng tại đầu có số 610*, trọng lượng 05 chỉ 02 phân 04 ly vàng 18k;

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung A9 đã qua sử dụng, số điện thoại 0914.080.771;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 đã qua sử dụng, sim số 0949.678.920 và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1034 đã qua sử dụng, sim số 0916.214.215 của Huỳnh Minh T1;

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1034 đã qua sử dụng, sim số 0944.116.650 của Hồ Văn N;

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1134 đã qua sử dụng, sim số 0919.965.602 của Nguyễn Hoàng A;

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280 đã qua sử dụng, sim số 0915.444.146 của Trương Trường G.

3.2. Buộc Hồ Văn N và Trần Đại T nộp lại số tiền đánh bạc để sung quỹ Nhà nước gồm: Hồ Văn N phải nộp 4.150.000 đồng, Trần Đại T phải nộp 92.098.000 đồng.

3.3. Trả lại cho Nguyễn Hoàng A và Lương Thị Thuận A2 01 xe hiệu Air Blade, biển số 69N1-031.33 và giấy đăng ký xe tên Phạm Hoàng A1. Trả cho Bùi Thị H 01 lắc vàng có chữ KTR trọng lượng 05 chỉ 02 phân 06 ly vàng 18k.

3.4. Tịch thu tiêu hủy 08 bộ bài tây chưa sử dụng; 01 bộ bài đã khui còn 02 lá bài tỳ trong hộp và 40 lá bài tây; 02 bộ bài đã sử dụng.

(Các vật chứng được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời đang quản lý, theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 15/02/2019 Bút lục số 438).

4. Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Án phí hình sự phúc thẩm các bị cáo Trần Đại T, Hồ Văn N, Nguyễn Hoàng A, Ngô Thị D mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng. Bị cáo Trương Trường G và bị cáo Huỳnh Minh T1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Công an huyện Trần Văn Thời;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa HS; án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Trọng Nhân